**PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Histamin làm cho mạch máu ở vùng lân cận …(1)… và …(2)… tính thấm đối với huyết tương.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – co lại; 2 – giảm. **B.** 1 – co lại; 2 – tăng. **C.** 1 – dãn ra; 2 – giảm. **D.** 1 – dãn ra; 2 – tăng.

**Câu 2.** Acid và enzyme …(1)… trong dạ dày là các đáp ứng …(2)… của hệ tiêu hóa.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – pepsin; 2 – không đặc hiệu. **B.** 1 – pepsin; 2 – đặc hiệu.

**C.** 1 – pectin; 2 – không đặc hiệu. **D.** 1 – pectin; 2 – đặc hiệu.

**Câu 3.** Các tế bào cơ thể bị nhiễm virus tiết ra …(1)…, chất này kích thích các tế bào không bị nhiễm bệnh bên cạnh sản sinh ra các protein …(2)… sự sinh sản của vi khuẩn.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – epitope; 2 – ức chế. **B.** 1 – epitope; 2 – kích thích.

**C.** 1 – interferon; 2 – ức chế. **D.** 1 – interferon; 2 – kích thích.

**Câu 4.** Khi vào cơ thể, HIV xâm nhập và tăng sinh trong tế bào …(1)… và tiêu diệt tế bào này, dẫn đến làm suy yếu dần đáp ứng miễn dịch …(2)… và đáp ứng miễn dịch …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2), (3) lần lượt là:

**A.** 1 – T nhớ; 2 – dịch thể; 3 – tế bào.

**B.** 1 – T nhớ; 2 – đặc hiệu; 3 – không đặc hiệu.

**C.** 1 – T hỗ trợ; 2 – dịch thể; 3 – tế bào.

**D.** 1 – T hỗ trợ; 2 – đặc hiệu; 3 – không đặc hiệu.

**Câu 5.** Interferon được tổng hợp từ gene của tế bào bị nhiễm …(1)… và có bản chất là các phân tử …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – virus; 2 – protein. **B.** 1 – virus; 2 – lipid.

**C.** 1 – vi khuẩn; 2 – protein. **D.** 1 – vi khuẩn; 2 – lipid.

**Câu 6.** Kháng thể là chất do tế bào …(1)… sản xuất ra, có khả năng …(2)… và làm bất hoạt kháng nguyên.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – lympho T; 2 – liên kết. **B.** 1 – lympho T; 2 – đáp ứng.

**C.** 1 – plasma; 2 – liên kết. **D.** 1 – plasma; 2 – đáp ứng.

**Câu 7.** Miễn dịch tế bào quá trình tế bào …(1)… sẽ tiết ra …(2)… làm tan tế bào nhiễm.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – T độc; 2 – kháng thể. **B.** 1 – T độc; 2 – protein độc.

**C.** 1 – plasma; 2 – kháng thể. **D.** 1 – plasma; 2 – protein độc.

**Câu 8.** Vaccine truyền thống thường có bản chất là …(1)… đã bị làm yếu đi, …(2)… khả năng nhân lên trong tế bào.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – kháng thể; 2 – không còn. **B.** 1 – kháng thể; 2 – còn.

**C.** 1 – kháng nguyên; 2 – không còn. **D.** 1 – kháng nguyên; 2 – còn.

**Câu 9.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về tác nhân và cách thức gây bệnh:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Nấm | **a.** Xâm nhập vào tế bào và can thiệp vào hoạt động của tế bào để tạo ra các phần tử mới gây suy yếu, hủy hoại các tế bào cơ thể. |
| **2.** Giun, sán | **b.** Xuyên thủng tế bào cơ thể, lấy chất dinh dưỡng từ tế bào, hủy hoại các tế bào mà chúng kí sinh. |
| **3.** Virus | **c.** Lấy chất dinh dưỡng trong ống tiêu hóa của người, làm suy yếu cơ thể, có thể gây tử vong. |
| **4.** Vi khuẩn | **d.** Giải phóng độc tố, hủy hoại các tế bào cơ thể. |

**A.** 1-c, 2-b, 3-d, 4-a. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-c, 2-a, 3-b, 4-d. **D.** 1-b, 2-c, 3-d, 4-a.

**Câu 10.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về tác nhân vật lí và cách thức gây bệnh của nó:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Dòng điện | **a.** Gây giảm thính lực hoặc điếc. |
| **2.** Nhiệt độ cao | **b.** Gây biến tính protein, gây bỏng. |
| **3.** Âm thanh lớn kéo dài | **c.** Gây giật, bỏng tại chỗ hoặc toàn thân. |
| **4.** Ánh sáng mặt trời mạnh | **d.** Gây tổn thương DNA, có thể gây ung thư da. |

**A.** 1-c, 2-b, 3-a, 4-d. **B.** 1-a, 2-d, 3-c, 4-b. **C.** 1-c, 2-a, 3-b, 4-d. **D.** 1-a, 2-c, 3-d, 4-b.

**Câu 11.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về miễn dịch:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Miễn dịch không đặc hiệu | **a.** Tốc độ nhanh, không có khả năng nhớ. |
| **b.** Hiệu quả cao. |
| **c.** Hiệu quả không cao. |
| **2.** Miễn dịch đặc hiệu | **d.** Cần tiếp xúc trước và có tính đặc hiệu với từng kháng nguyên cụ thể. |
| **e.** Tốc độ chậm, có khả năng nhớ. |
| **f.** Tính đặc hiệu sẵn có, không cần tiếp xúc trước với kháng nguyên |

**A.** 1-acf, 2-bde. **B.** 1-bde, 2-acf. **C.** 1-abf, 2-cde. **D.** 1-cde, 3-abf.

**Câu 12.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về tác nhân hóa học và cách thức gây bệnh của nó:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Khí CO, CO2 trong mỏ than | **a.** Gây bỏng trên diện rộng hoặc hẹp. |
| **2.** Cyanid trong nấm, măng. | **b.** Gây ngộ độc cấp tính, có thể gây tử vong. |
| **3.** Acid, kiềm | **c.** Gây ngộ độc đường hô hấp, có thể tử vong. |
| **4.** Tetrodotoxin trong cá nóc. | **d.** Là độc tố thần kinh, gây liệt cơ, ngừng hô hấp. |

**A.** 1-c, 2-b, 3-a, 4-d. **B.** 1-b, 2-d, 3-c, 4-a. **C.** 1-c, 2-a, 3-b, 4-d. **D.** 1-b, 2-c, 3-d, 4-a.

**Câu 13.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về thành phần của hàng rào bảo vệ bên ngoài và cách thức bảo vệ của nó:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Da | **a.** Rửa trôi vi sinh vật và chứa enzyme lysozyme có thể tiêu diệt vi sinh vật. |
| **2.** Nước mắt, nước mũi,… | **b.** Được tiết vào dạ dày chứa acid và enzyme giúp tiêu diệt vi khuẩn, virus, nấm. |
| **3.** Dịch tiêu hóa, dịch mật | **c.** Chứa lactic acid và acid béo ức chế sự sinh trưởng của một số loại vi sinh vật. |
| **4.** Lông rung hệ hô hấp | **d.** Lớp sừng và các tế bào biểu bì đã chết giúp ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. |

**A.** 1-d, 2-b, 3-a, 4-c. **B.** 1-a, 2-b, 3-d, 4-c. **C.** 1-d, 2-a, 3-b, 4-c. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c.

**Câu 14.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về cách thức bảo vệ của các tế bào trong máu:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Tế bào giết tự nhiên | **a.** Phá hủy tế bào nhiễm virus, khối u. |
| **2.** Bạch cầu trung tín, đại thực bào | **b.** Tiết ra độc tố tiêu diệt các loại giun kí sinh. |
| **3.** Bạch cầu ưa acid | **c.** Nhận biết và thực bào mầm bệnh xâm nhập. |

**A.** 1-c, 2-b, 3-a. **B.** 1-a, 2-b, 3-c. **C.** 1-c, 2-a, 3-b. **D.** 1-a, 2-c, 3-b.

**Câu 15.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về vai trò của thành phần tham gia miễn dịch đặc hiệu:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Tế bào B | **a.** Bắt giữ và mang kháng nguyên đến trình diện cho các tế bào T hỗ trợ làm hoạt hóa các tế bào T hỗ trợ. |
| **2.** Tế bào B và T nhớ | **b.** Ghi nhớ kháng nguyên để khi chúng tái xâm nhập, sẽ tạo đáp ứng miễn dịch thứ phát nhanh hơn. |
| **3.** Tế bào trình diện | **c.** Tăng sinh và biệt hóa tạo các tế bào B nhớ và tương bào. |
| **4.** Tương bào (tế bào plasma) | **d.** Sản xuất ra kháng thể khớp với kháng nguyên đưa vào máu để tiêu diệt tác nhân gây bệnh. |

**A.** 1-d, 2-b, 3-a, 4-c. **B.** 1-d, 2-a, 3-b, 4-c. **C.** 1-c, 2-b, 3-a, 4-d. **D.** 1-c, 2-a, 3-b, 4-d.

**Câu 16.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về nguyên nhân gây các bệnh tự miễn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Viêm khớp | **a.** Hệ miễn dịch tấn công và phá hủy các tế bào tuyến giáp làm giải phóng quá nhiều hormone. |
| **2.** Lupus ban đỏ | **b.** Hệ miễn dịch tấn công và phá hủy protein histone, phá hủy DNA gây các triệu chứng phát ban,... |
| **3.** Bệnh basedow | **c.** Kháng nguyên vi khuẩn lậu làm hệ miễn dich nhầm với các phân tử do tế bào khớp tiết ra. |
| **4.** Tiểu đường Type I | **d.** Các tế bào T độc nhầm lẫn và tiêu diệt các tế bào sản xuất insulin ở tuyến tụy. |

**A.** 1-b, 2-d, 3-a, 4-c. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-c, 2-a, 3-b, 4-d. **D.** 1-c, 2-b, 3-a, 4-d.

**Câu 17.** Bệnh là sự ……… của bất kỳ bộ phận cơ quan hệ thống nào của cơ thể.

Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** sai lệch hoặc tổn thương về cấu trúc và chức năng

**B.** thay đổi cấu trúc và chức năng

**C.** biến đổi về cấu trúc và hình dạng

**D.** suy yếu

**Hướng dẫn giải**

Bệnh là sự sai lệch hoặc tổn thương về cấu trúc và chức năng của bất kỳ bộ phận cơ quan hệ thống nào của cơ thể. 🡪 Đáp án#A.

**Câu 18.** Hai nguyên tử kháng thể IgG đặc hiệu với cùng một quyết định kháng nguyên, lấy từ hai cơ thể khác gene cùng loại giống nhau về:

**A.** cấu trúc chuỗi nhẹ. **B.** cấu trúc phân tử.

**C.** tính kháng nguyên. **D.** vị trí gắn kháng nguyên.

**Hướng dẫn giải**

Hai nguyên tử kháng thể IgG đặc hiệu với cùng một quyết định kháng nguyên, lấy từ hai cơ thể khác gene cùng loại giống nhau về vị trí gắn kháng nguyên. 🡪 Đáp án **D.**

**Câu 19.** Bệnh được chia thành:

**A.** bệnh di truyền và bệnh không di truyền.

**B.** bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm.

**C.** bệnh được gây ra bởi các nguyên nhân bên trong và bệnh được gây ra bởi các nguyên nhân bên ngoài.

**D.** bệnh có triệu chứng và bệnh không có triệu chứng.

**Hướng dẫn giải**

Bệnh được chia thành hai loại: bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm. 🡪 Đáp án **B.**

**Câu 20.** Đâu là nguyên nhân bên trong gây bệnh cho người và động vật?

**A.** Vi khuẩn. **B.** Virus **C.** Nấm. **D.** Rối loạn di truyền.

**Hướng dẫn giải**

Nguyên nhân bên trong gây ra bệnh cho người và động vật gồm: yếu tố di truyền, thoái hóa do tuổi già, … 🡪 Đáp án **D.**

**Câu 21.** Vaccine có tác dụng kích thích hệ miễn dịch hình thành nên …(1)… đặc hiệu chống lại …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – kháng thể; 2 – virus. **B.** 1 – kháng thể; 2 – vi khuẩn.

**C.** 1 – kháng nguyên; 2 – virus. **D.** 1 – kháng nguyên; 2 – vi khuẩn.

**Câu 22.** Miễn dịch không đặc hiệu còn được gọi là …(1)… và miễn dịch đặc hiệu còn được gọi là …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – tự nhiên; 2 – thích ứng. **B.** 1 – bẩm sinh; 2 – thích ứng.

**C.** 1 – tự nhiên; 2 – bẩm sinh. **D.** 1 – bẩm sinh; 2 – tự nhiên.

**Câu 23.** Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng …(1)… chống lại các tác nhân gây bệnh …(2)…, nghĩa là không đặc hiệu đối với các tác nhân gây bệnh.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – giống nhau; 2 – giống nhau. **B.** 1 – giống nhau; 2 – khác nhau.

**C.** 1 – khác nhau; 2 – giống nhau. **D.** 1 – khác nhau; 2 – khác nhau.

**Câu 24.** Khi xảy ra phản ứng viêm thì các tế bào bị tổn thương tiết ra chất hóa học …(1)… dưỡng bào và bạch cầu …(2)… giải phóng histamin.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – ức chế; 2 – ưa acid. **B.** 1 – kích thích; 2 – ưa acid.

**C.** 1 – ức chế; 2 – ưa kiềm. **D.** 1 – kích thích; 2 – ưa kiềm.

**Câu 25.** Đâu không phải là tác nhân bên ngoài gây ra bệnh cho người và động vật?

**A.** Tác nhân sinh học. **B.** Tác nhân hóa học. **C.** Chế độ dinh dưỡng. **D.** Tác nhân vật lý.

**Hướng dẫn giải**

Chế độ dinh dưỡng là tác nhân bên trong gây ra bệnh cho người và động vật.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 26.** Một ví dụ về bệnh không truyền nhiễm là:

**A.** nấm da. **B.** lở mồm long móng **C.** ung thư. **D.** sốt rét.

**Hướng dẫn giải**

Ung thư là bệnh không truyền nhiễm. 🡪 Đáp án **C.**

**Câu 27.** Cơ thể chỉ bị bệnh khi tác nhân gây bệnh hội tụ đủ:

**A.** 3 yếu tố: có khả năng gây bệnh, có con đường xâm nhiễm phù hợp và số lượng đủ lớn.

**B.** 2 yếu tố: có con đường xâm nhiễm phù hợp và có khả năng thích nghi cao.

**C.** 3 yếu tố: có con đường xâm nhiễm phù hợp, có khả năng thích nghi cao và số lượng đủ lớn

**D.** 2 yếu tố: có khả năng gây bệnh và có số lượng đủ lớn.

**Hướng dẫn giải**

Cơ thể chỉ bị bệnh khi tác nhân gây bệnh hội tụ đủ 3 yếu tố: có khả năng gây bệnh, có con đường xâm nhiễm phù hợp và số lượng đủ lớn. 🡪 Đáp án#A.

**Câu 28.** Trong thực tế, nguyên nhân nào làm cho xác suất xâm nhiễm và gây bệnh của các tác nhân gây bệnh tồn tại trong môi trường tự nhiên trên người và động vật là rất nhỏ?

**A.** Do các tác nhân gây bệnh trong môi trường tự nhiên không có khả năng thích nghi cao.

**B.** Do các tác nhân gây bệnh trong môi trường tự nhiên không đủ số lượng (chưa đạt ngưỡng vượt tầm kiểm soát của cơ thể).

**C.** Do cơ thể người và động vật không phù hợp với con đường gây bệnh của các tác nhân gây bệnh trong môi trường tự nhiên.

**D.** Do cơ thể người và động vật có khả năng miễn dịch chống lại sự xâm nhiễm và gây bệnh của các tác nhân gây bệnh.

**Hướng dẫn giải**

Trong thực tế, nguyên nhân làm cho xác suất xâm nhiễm và gây bệnh của các tác nhân gây bệnh tồn tại trong môi trường tự nhiên trên người và động vật rất nhỏ là do cơ thể người và động vật có khả năng miễn dịch chống lại sự xâm nhiễm và gây bệnh của các tác nhân gây bệnh.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 29.** Cơ chế miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh được thực hiện bởi:

**A.** hệ miễn dịch. **B.** miễn dịch không đặc hiệu.

**C.** miễn dịch dịch thể. **D.** miễn dịch tế bào.

**Hướng dẫn giải**

Cơ chế miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh được thực hiện bởi hệ miễn dịch.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 30.** Nối cột tác nhân gây bệnh và cách thức gây bệnh dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Vi khuẩn | a. xuyên thủng tế bào cơ thể, lấy chất dinh dưỡng từ tế bào, hủy hoại các tế bào mà chúng kí sinh. |
| 2. Virus | b. giải phóng độc tố, hủy hoại các tế bào cơ thể. |
| 3. Nấm | c. lấy chất dinh dưỡng trong ống tiêu hóa của người, làm suy yếu cơ thể, có thể gây tử vong.  |
| 4. Gium, sán | d. xâm nhập vào tế bào và can thiệp vào hoạt động của tế bào để tạo ra các phần tử mới gây suy yếu, hủy hoại các tế bào cơ thể. |

**A.** 1a, 2b,3c, 4d. **B.** 1d, 2b, 3a, 4c. **C.**1b, 2d, 3a, 4c. **D.** 1a, 2c, 3d, 4b.

**Hướng dẫn giải**

Vi khuẩn xâm nhập vào tế bào và can thiệp vào hoạt động của tế bào để tạo ra các phần tử mới gây suy yếu, hủy hoại các tế bào cơ thể.

Virus giải phóng độc tố, hủy hoại các tế bào cơ thể.

Nấm xuyên thủng tế bào cơ thể, lấy chất dinh dưỡng từ tế bào, hủy hoại các tế bào mà chúng kí sinh.

Gium, sán lấy chất dinh dưỡng trong ống tiêu hóa của người, làm suy yếu cơ thể, có thể gây tử vong.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 31.** Bệnh nào sau đây có thể gây ra do yếu tố di truyền?

**A.** Thoái hóa mô thần kinh. **B.** Mù màu.

**C.** Viêm khớp. **D.** Béo phì.

**Hướng dẫn giải**

Mù màu là bệnh gây ra do yếu tố di truyền.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 32.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tác nhân cơ học. | a. gây biến tính protein, gây bỏng. |
| 2. Nhiệt độ cao. | b. gây giảm thính lực hoặc điếc. |
| 3. Dòng điện. | c. gây tổn thương DNA, có thể gây ung thư da. |
| 4. Ánh sáng mặt trời mạnh. | d. gây giập nát, tổn thương mô, cơ quan. |
| 5. Âm thanh lớn kéo dài. | e. gây giật, bỏng tại chỗ hoặc toàn thân. |

A. 1c, 2a, 3b, 4e, 5d. **B.** 1d, 2a, 3e, 4b, 5c.

**C.** 1d, 2a, 3e, 4c, 5b. **D.** 1c, 2a, 3b, 4d, 5e.

**Hướng dẫn giải**

Tác nhân cơ học gây giập nát, tổn thương mô, cơ quan.

Nhiệt độ cao gây biến tính protein, gây bỏng.

Dòng điện gây giật, bỏng tại chỗ hoặc toàn thân.

Ánh sáng mặt trời mạnh gây tổn thương DNA, có thể gây ung thư da.

Âm thanh lớn kéo dài gây giảm thính lực hoặc điếc.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 33.** Hai phòng tuyến bảo vệ cơ thể do hệ miễn dịch tạo thành là:

**A.** miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.

**B.** miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.

**C.** hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.

**D.** hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.

**Hướng dẫn giải**

Hai phòng tuyến bảo vệ cơ thể do hệ miễn dịch tạo thành là: miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 34.** Miễn dịch không đặc hiệu còn được gọi là:

**A.** miễn dịch bẩm sinh.  **B.** miễn dịch thích ứng. **C.** miễn dịch thu được. **D.** miễn dịch tế bào.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch không đặc hiệu còn được gọi là miễn dịch bẩm sinh.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 35.** Miễn dịch đặc hiệu còn được gọi là:

**A.**miễn dịch bẩm sinh.  **B.** miễn dịch thích ứng. **C.** miễn dịch tự nhiên. **D.** miễn dịch tế bào.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch đặc hiệu còn được gọi là miễn dịch thích ứng.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 36.** Đâu là phát biểu đúng khi nói về miễn dịch không đặc hiệu?

**A.** Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng khác nhau chống lại các tác nhân gây bệnh giống nhau, nghĩa là không đặc hiệu đối với các tác nhân gây bệnh.

**B.** Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh giống nhau, nghĩa là không đặc hiệu đối với các tác nhân gây bệnh.

**C.** Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh khác nhau, nghĩa là không đặc hiệu đối với các tác nhân gây bệnh.

**D.** Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng khác nhau chống lại các tác nhân gây bệnh khác nhau, nghĩa là không đặc hiệu đối với các tác nhân gây bệnh.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh khác nhau, nghĩa là không đặc hiệu đối với các tác nhân gây bệnh.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 37.** Đâu là phát biểu biểu sai khi nói về miễn dịch không đặc hiệu?

**A.** Miễn dịch không đặc hiệu bao gồm: hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.

**B.** Miễn dịch không đặc hiệu bao gồm: hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.

**C.** Miễn dịch không đặc hiệu còn được gọi là miễn dịch tự nhiên.

**D.** Miễn dịch không đặc hiệu có thể tạo ra đáp ứng miễn dịch nguyên phát và đáp ứng miễn dịch thứ phát.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch không đặc hiệu có thể tạo ra đáp ứng miễn dịch nguyên phát và đáp ứng miễn dịch thứ phát.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 38.** Đâu không phải là các đáp ứng không đặc hiệu?

**A.** Thực bào. **B.** Kháng nguyên.

**C.** Viêm. **D.** Protein chống lại mầm bệnh.

**Hướng dẫn giải**

Kháng nguyên không phải là đáp ứng không đặc hiệu.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 39.** Trong các nhận định dưới đây, có bao nhiêu nhận định đúng?

(1) Miễn dịch đặc hiệu còn được gọi là miễn dịch thu được.

(2) Các đáp ứng không đặc hiệu gồm: tế bào trình diện kháng nguyên và tế bào T độc.

(3) Hàng rào bảo vệ vật lý và hóa học gồm: da, niêm mạc, lông, chất nhầy; dịch của cơ thể như nước mắt, nước tiểu,...

(4) Một trong những hàng rào bảo vệ vật lý và hóa học của hệ hô hấp là lớp dịch nhầy trong khí quản, phế quản.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Nhận định đúng là: (1), (3), (4).

Nhận định (2) sai vì tế bào trình diện kháng nguyên và tế bào T độc không phải là các đáp ứng không đặc hiệu.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 40.** Đâu là hàng rào bảo vệ vật lý và hóa học của hệ tiêu hóa?

**A.** pH thấp trong nước tiểu.

**B.** Lysozyme trong nước bọt.

**C.** Vi khuẩn vô hại trên bề mặt da.

**D.** Lớp sừng và lớp tế bào biểu bì ép chặt với nhau.

**Hướng dẫn giải**

Lysozyme trong nước bọt là hàng rào bảo vệ vật lý và hóa học của hệ tiêu hóa.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 41.** Trong các phát biểu dưới đây, có bao nhiêu phát biểu đúng với thực bào?

(1) Đại thực bào, bạch cầu trung tính nhận biết và thực bào mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể.

(2) Trong máu còn có các tế bào giết tự nhiên phá hủy tế bào nhiễm virus và các tế bào khối u.

(3) Bạch cầu ưa acid tiết ra độc tố tiêu diệt giun kí sinh.

(4) Cơ quan tạo ra các loại bạch cầu là tủy xương, tuyến ức, lá lách và các hạch bạch huyết.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Cả 4 nhận định đều đúng.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 42.** Các cơ quan sau đây đều tạo ra các loại bạch cầu, ngoại trừ:

**A.** tủy xương. **B.** thành mạch. **C.** tuyến ức. **D.** lá lách.

**Hướng dẫn giải**

Thành mạch không tạo ra các loại bạch cầu.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 43.** Viêm là phản ứng:

**A.** xảy ra nhằm phá hủy tế bào nhiễm vi khuẩn.

**B.** xảy ra khi các tế bào bị tổn thương.

**C.** xảy ra khi một vùng nào đó của cơ thể bị tổn thương và bắt đầu nhiễm trùng.

**D.** xảy ra nhằm giúp các tế bào bị nhiễm virus tiết ra interferon.

**Hướng dẫn giải**

Viêm là phản ứng xảy ra khi một vùng nào đó của cơ thể bị tổn thương và bắt đầu nhiễm trùng.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 44.** Khi xảy ra phản ứng viêm thì:

**A.** các tế bào bị tổn thương tiết ra chất hóa học kích thích dưỡng bào và bạch cầu ưa kiềm giải phóng histamin.

**B.** các tế bào bị nhiễm virus tiết ra interferon.

**C.** các tế bào bình thường bên cạnh sản sinh ra các protein ức chế sự sinh sản của virus.

**D.** cơ thể sẽ tiết peptide và protein chống lại mầm bệnh.

**Hướng dẫn giải**

Khi xảy ra phản ứng viêm thì các tế bào bị tổn thương tiết ra chất hóa học kích thích dưỡng bào và bạch cầu ưa kiềm giải phóng histamin.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 45.** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Histamin làm cho mạch máu ở vùng lân cận dãn ra và tăng tính thấm đối với huyết tương.

(2) Acid và enzyme pepsin trong dạ dày là các đáp ứng không đặc hiệu của hệ tiêu hóa.

(3) Lớp tế bào biểu mô lót trong các hệ tiêu hóa, hô hấp, bài tiết, sinh sản và da tạo thành hàng ra vật lý ngăn chặn mầm bệnh.

(4) Phản ứng viêm nhằm chống lại sự phát triển của tác nhân gây bệnh.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Cả 4 nhận định đều đúng.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 46.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng về sốt?

(1) Sốt là tình trạng thân nhiệt cơ thể tăng lên và duy trì ở mức cao hơn thân nhiệt bình thường.

(2) Khi vùng tổn thương nhiễm khuẩn, đại thực bào tiết ra chất gây sốt kích thích trung khu điều hòa thân nhiệt ở vùng dưới đồi, làm cơ thể tăng sinh nhiệt và sốt.

(3) Sốt cao có thể gây nguy hiểm cho cơ thể như co giật, hôn mê thậm chí tử vong.

(4) Sốt cao có thể gây ức chế hoạt động thực bào của bạch cầu.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Các nhận định đúng là:

(1) Sốt là tình trạng thân nhiệt cơ thể tăng lên và duy trì ở mức cao hơn thân nhiệt bình thường.

(2) Khi vùng tổn thương nhiễm khuẩn, đại thực bào tiết ra chất gây sốt kích thích trung khu điều hòa thân nhiệt ở vùng dưới đồi, làm cơ thể tăng sinh nhiệt và sốt.

(3) Sốt cao có thể gây nguy hiểm cho cơ thể như co giật, hôn mê thậm chí tử vong.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 47.** Sốt có tác dụng bảo vệ cơ thể thông qua việc:

**A.** ức chế vi khuẩn, virus tăng sinh.

**B.** làm các mạch máu ở vùng lân cận dãn ra và tăng tính thấm đối với huyết tương.

**C.** làm gan tăng nhận sắt từ máu, đây là chất cần cho sinh sản của vi khuẩn

**D.** làm tăng hoạt động thực bào của bạch cầu.

**Hướng dẫn giải**

Sốt có tác dụng bảo vệ cơ thể thông qua việc làm các mạch máu ở vùng lân cận dãn ra và tăng tính thấm đối với huyết tương.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 48.** Các tế bào cơ thể bị nhiễm virus tiết ra ………….., chất này kích thích các tế bào không bị nhiễm bệnh bên cạnh sản sinh ra các protein ức chế sự sinh sản của vi khuẩn.

Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** histamin **B.** kháng nguyên **C.**epitope **D.** interferon

**Hướng dẫn giải**

Các tế bào cơ thể bị nhiễm virus tiết ra interferon, chất này kích thích các tế bào không bị nhiễm bệnh bên cạnh sản sinh ra các protein ức chế sự sinh sản của vi khuẩn.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 49.** Miễn dịch đặc hiệu là:

**A.** phản ứng thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh riêng biệt khi chúng xâm nhập vào cơ thể.

**B.** phản ứng đặc hiệu chống lại những mầm bệnh riêng biệt khi chúng xâm nhập vào cơ thể.

**C.** phản ứng thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh khác nhau khi chúng xâm nhập vào cơ thể.

**D.** phản ứng đặc hiệu chống lại những mầm bệnh giống nhau khi chúng xâm nhập vào cơ thể.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch đặc hiệu là phản ứng đặc hiệu chống lại những mầm bệnh riêng biệt khi chúng xâm nhập vào cơ thể.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 50.** Trong các phát biểu dưới đây, đâu là phát biểu sai khi nói về miễn dịch đặc hiệu?

**A.** Miễn dịch đặc hiệu còn được gọi là miễn dịch thích ứng.

**B.** Miễn dịch đặc hiệu gồm: thực bào, viêm, sốt và tạo peptide, protein chống lại mầm bệnh.

**C.** Miễn dịch đặc hiệu thực chất là phản ứng giữa tế bào miễn dịch, kháng thể với kháng nguyên.

**D.** Miễn dịch đặc hiệu chỉ có ở động vật có xương sống.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch đặc hiệu gồm: thực bào, viêm, sốt và tạo peptide, protein chống lại mầm bệnh.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 51.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là sai khi nói về kháng nguyên?

**A.** Kháng nguyên là những phần tử ngoại lai gây ra đáp ứng miễn dịch đặc hiệu.

**B.** Hầu hết kháng nguyên là các đại phân tử như các protein, polypeptide, polysaccharide.

**C.** Kháng nguyên có những nhóm protein nhỏ gọi là quyết định kháng nguyên.

**D.** Mỗi kháng nguyên đơn lẻ thường có một số quyết định kháng nguyên.

**Hướng dẫn giải**

Kháng nguyên có những nhóm amino acid nhỏ gọi là quyết định kháng nguyên.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 52.** Nhờ quyết định kháng thể mà tế bào miễn dịch và kháng thể mới ………….. kháng nguyên tương ứng.

Cụm từ điền vào chỗ trống là:

**A.** tìm ra được **B.** ức chế được **C.**liên kết được **D.** nhận biết được

**Hướng dẫn giải**

Nhờ quyết định kháng thể mà tế bào miễn dịch và kháng thể mới nhận biết được kháng nguyên tương ứng.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 53.** Tế bào lympho B và tế bào lympho T có các …………… trên màng sinh chất.

Cụm từ điền vào chỗ trống là:

**A.** kháng thể **B.** thụ thể kháng nguyên

**C.** quyết định kháng nguyên **D.** quyết định kháng thể

**Hướng dẫn giải**

Tế bào lympho B và tế bào lympho T có các thụ thể kháng nguyên trên màng sinh chất.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 54.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định sai?

(1) Tất cả thụ thể kháng nguyên trên một tế bào B đều giống hệt nhau.

(2) Các thụ thể kháng nguyên tự do trong máu được gọi là kháng thể.

(3) Tất cả thụ thể kháng nguyên trên một tế bào T đều khác biệt nhau.

(4) Hồng cầu sản sinh ra các thụ thể kháng nguyên và đưa vào máu.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Các nhận định sai là:

(3) Tất cả thụ thể kháng nguyên trên một tế bào T đều khác biệt nhau.

(4) Hồng cầu sản sinh ra các thụ thể kháng nguyên và đưa vào máu.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 55.** Miễn dịch đặc hiệu gồm:

**A.** miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.

**B.**hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.

**C.** hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.

**D.** đại thực bài, viêm, sốt và tạo peptide, protein chống lại mầm bệnh.

**Hướng dẫn giải**

Miễn dịch đặc hiệu gồm: miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 56.** Sắp xếp các ý sau theo đúng trình tự của miễn dịch dịch thể.

(1) Tế bào B tăng sinh và biệt hóa, tạo ra dòng tương bào và dòng tế bào nhớ.

(2) Các tế bào T hỗ trợ tiết ra cytokine, gây hoạt hóa tế bào **B.**

(3) Kháng thể lưu hành trong máu và tiêu diệt mầm bệnh theo nhiều cách khác nhau.

(4) Các tương bào sản sinh ra kháng thể IgG.

**A.** (2), (4), (1), (3). **B.** (2), (1), (3), (4). **C.** (2), (1), (4), (3). **D.** (3), (2), (4), (1).

**Hướng dẫn giải**

Các tế bào T hỗ trợ tiết ra cytokine, gây hoạt hóa tế bào B, tế bào B tăng sinh và biệt hóa, tạo ra dòng tương bào và dòng tế bào nhớ. Các tương bào sản sinh ra kháng thể IgG. Kháng thể lưu hành trong máu và tiêu diệt mầm bệnh theo nhiều cách khác nhau.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 57.** Sắp xếp các ý sau theo đúng trình tự của miễn dịch tế bào.

(1) Tế bào T độc tương tác với các trình diện kháng nguyên để trở nên hoạt hóa.

(2) Các tế bào T độc lưu hành trong máu và tiết ra độc tố tiêu diệt các tế bào nhiễm mầm bệnh.

(3) Tế bào T độc phân chia, tạo ra dòng tế bào T độc hoạt hóa và dòng tế bào T độc nhớ.

(4) Các tế bào T hỗ trợ tiết cytokine còn làm tế bào T độc hoạt hóa.

**A.** (1), (4), (3), (2). **B.** (1), (3), (4), (2). **C.** (4), (1), (3), (2). **D.** (4), (3), (1), (2).

**Hướng dẫn giải**

Các tế bào T hỗ trợ tiết cytokine còn làm tế bào T độc hoạt hóa. Tế bào T độc tương tác với các trình diện kháng nguyên để trở nên hoạt hóa. Tế bào T độc phân chia, tạo ra dòng tế bào T độc hoạt hóa và dòng tế bào T độc nhớ. Các tế bào T độc lưu hành trong máu và tiết ra độc tố tiêu diệt các tế bào nhiễm mầm bệnh.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 58.** Trong các nhận định dưới đây, có bao nhiêu nhận định đúng?

(1) Các tế bào thực như đại thực bào và bạch cầu trung tính sẽ bắt giữ, bao bọc, tiêu diệt tác nhân gây bệnh.

(2) Histamin gây hiện tượng sưng, nóng, đỏ và đau nhằm chống lại sự phát triển của tác nhân gây bệnh.

(3) Tế bào giết tự nhiên nhận diện những biến đổi bất thường trên bề mặt các tế bào bệnh, tết protein làm chết các tế bào bệnh.

(4) Các tế bào tổng hợp peptide và protein có khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Các nhận định đúng là:

(1) Các tế bào thực như đại thực bào và bạch cầu trung tính sẽ bắt giữ, bao bọc, tiêu diệt tác nhân gây bệnh.

(3) Tế bào giết tự nhiên nhận diện những biến đổi bất thường trên bề mặt các tế bào bệnh, tết protein làm chết các tế bào bệnh.

(4) Các tế bào tổng hợp peptide và protein có khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 59.** Trong hai nhận định sau, nhận định nào là đúng, nhận định nào là sai về cơ chế miễn dịch đặc hiệu?

(1) Hệ miễn dịch tiếp xúc lần đầu tiên với kháng nguyên sẽ tạo ra đáp ứng miễn dịch nguyên phát (gồm đáp ứng miễn dịch dịch thể và đáp ứng miễn dịch tế bào). Nếu sau đó, hệ miễn dịch lại tiếp xúc với chính loại kháng nguyên đó thì sẽ tạo ra đáp ứng miễn dịch thứ phát.

(2) Nhờ tế bào T độc tạo ra đáp ứng miễn dịch nguyên phát nên đáp ứng miễn dịch nguyên phát diễn ra nhanh hơn (2 - 3 ngày so với 7 - 10 ngày), số lượng tế bào miễn dịch và kháng thể nhiều hơn, đồng thời duy trì ở mức cao lâu hơn dẫn đến khả năng chống lại mầm bệnh hiệu quả.

**A.** (1) đúng, (2) đúng. **B.** (1) sai, (2) sai. **C.** (1) sai, (2) đúng. **D.** (1) đúng, (2) sai.

**Hướng dẫn giải**

Nhận định (2) sai là vì:

Nhờ tế bào T nhớ tạo ra đáp ứng miễn dịch nguyên phát nên đáp ứng miễn dịch nguyên phát diễn ra nhanh hơn (2 - 3 ngày so với 7 - 10 ngày), số lượng tế bào miễn dịch và kháng thể nhiều hơn, đồng thời duy trì ở mức cao lâu hơn dẫn đến khả năng chống lại mầm bệnh hiệu quả.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 60.** Vaccine được người ta điều chế để phòng các bệnh do virus, vi khuẩn. Vaccine thường được sản xuất dưới dạng dung dịch tiêm có chứa:

**A.** kháng nguyên đã được xử lý, không còn khả năng gây bệnh.

**C.**tế bào lympho B và tế bào lympho T.

**C.** kháng nguyên khỏe mạnh, sẵn sàng gây bệnh cho cơ thể.

**D.** đại thực bài, bạch cầu, các peptide và protein chống lại mầm bệnh.

**Hướng dẫn giải**

Vaccine được người ta điều chế để phòng các bệnh do virus, vi khuẩn. Vaccine thường được sản xuất dưới dạng dung dịch tiêm có chứa: kháng nguyên đã được xử lý, không còn khả năng gây bệnh.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 61.** Tiêm vaccine là biện pháp chủ động tạo ra ……………. ở người và vật nuôi.

Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

**A.** miễn dịch thứ phát **B.** miễn dịch nguyên phát

**C.** miễn dịch không đặc hiệu **D.** các peptide và protein

**Hướng dẫn giải**

Tiêm vaccine là biện pháp chủ động tạo ra miễn dịch nguyên phát ở người và vật nuôi.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 62.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng khi nói về hệ miễn dịch?

(1) Hệ miễn dịch bao gồm mô, cơ quan, tế bào bạch cầu và một số phân tử protein trong máu.

(2) Hệ miễn dịch bao gồm các cơ quan, tế bào trực tiếp hoặc gián tiến tham gia chống lại các tác nhân gây bệnh.

(3) Hệ miễn dịch có thể chống lại các tác nhân gây bệnh như: vi khuẩn, virus, nấm, ký sinh trùng.

(4) Hai phòng tuyến bảo vệ cơ thể do hệ miễn dịch tạo thành là miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Cả 4 nhận định đều đúng.

🡪 Đáp án **D.**

**Câu 63.** Khi vào cơ thể, HIV xâm nhập và tăng sinh trong tế bào ………(1)……… và tiêu diệt tế bào này, dẫn đến làm suy yếu dần ………(2)………

Cụm từ còn thiếu điền vào các chỗ trống là:

**A.** (1) T hỗ trợ, (2) đáp ứng miễn dịch dịch thể và đáp ứng miễn dịch tế bào.

**B.** (1) T nhớ, (2) đáp ứng miễn dịch dịch thể và đáp ứng miễn dịch tế bào.

**C.** (1) T hỗ trợ, (2) đáp ứng miễn đặc hiệu và đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu.

**D.** (1) T nhớ, (2) đáp ứng miễn đặc hiệu và đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu.

**Hướng dẫn giải**

Khi vào cơ thể, HIV xâm nhập và tăng sinh trong tế bào T hỗ trợ và tiêu diệt tế bào này, dẫn đến làm suy yếu dần đáp ứng miễn dịch dịch thể và đáp ứng miễn dịch tế bào.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 64.** Bệnh ung thư là do:

**A.** hệ miễn dịch của cơ thể bị rối loạn, mất khả năng phân biệt các kháng nguyên ngoại lai với tế bào, cơ quan của cơ thể, dẫn đến các tế bào miễn dịch hoặc kháng thể do cơ thể sinh sản ra tấn công.

**B.** một nhóm tế bào trở nên bất thường và phân chia liên tục, không kiểm soát được dẫn đến tạo thành khối u, gọi là u ác tính.

**C.** một loại retrovirus gây ra, làm suy yếu dần đáp ứng miễn dịch dịch thể và đáp ứng miễn dịch tế bào.

**D.** các bệnh cơ hội gây ra, làm suy giảm hệ miễn dịch của cơ thể.

**Hướng dẫn giải**

Bệnh ung thư là do một nhóm tế bào trở nên bất thường và phân chia liên tục, không kiểm soát được dẫn đến tạo thành khối u, gọi là u ác tính.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 65.** Đâu là một ví dụ của bệnh tự miễn?

**A.** Bệnh Lupus ban đỏ toàn thân. **B.** Bệnh đau mắt đỏ.

**C.** Bệnh ghẻ. **D.** Bệnh nấm da.

**Hướng dẫn giải**

Bệnh Lupus ban đỏ toàn thân.

🡪 Đáp án#A.

**Câu 66.** Bản chất của kháng thể là:

**A.** albumin. **B.** globulin. **C.** lipoprotein. **D.** glycoprotein.

**Hướng dẫn giải**

Bản chất của kháng thể là globulin.

🡪 Đáp án **B.**

**Câu 67.** Trong đáp ứng tạo kháng thể lần hai đối với một kháng nguyên kháng thể được hình thành chủ yếu thuộc lớp:

**A.** IgM **B.** IgA **C.** IgG **D.** IgE

**Hướng dẫn giải**

Trong đáp ứng tạo kháng thể lần hai đối với một kháng nguyên kháng thể được hình thành chủ yếu thuộc lớp IgG.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 68.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng về miễn dịch?

(1) Miễn dịch là cơ chế bảo vệ đặc biệt của cơ thể.

(2) Miễn dịch có chức năng ngăn chặn, nhận biết và loại bỏ những thành phần bị hư hỏng hoặc các tác nhân gây bệnh.

(3) Miễn dịch là khả năng bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh, đảm bảo cho cơ thể khỏe mạnh không mắc bệnh.

(4) Cơ chế miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh được thực hiện bởi hệ miễn dịch.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Cả 4 nhận định đều đúng. 🡪 Đáp án **D.**

**Câu 69.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng?

(1) Bệnh được chia thành hai loại: bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm.

(2) Bệnh truyền nhiễm thường do các nguyên nhân bên ngoài gây ra.

(3) Bệnh không truyền nhiễm thường do các nguyên nhân bên trong gây ra.

(4) Tác nhân sinh học là nguyên nhân gây bệnh cho người và động vật từ bên ngoài.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Các nhận định đúng là:

(1) Bệnh được chia thành hai loại: bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm.

(2) Bệnh truyền nhiễm thường do các nguyên nhân bên ngoài gây ra.

(4) Tác nhân sinh học là nguyên nhân gây bệnh cho người và động vật từ bên ngoài.

Nhận định (3) sai vì bệnh không truyền nhiễm thường do cả các nguyên nhân bên trong và các nguyên nhân bên ngoài gây ra.

🡪 Đáp án **C.**

**Câu 70.** Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng?

(1) Dị ứng là phản ứng quá mức của cơ thể đối với kháng nguyên nhất định, nghĩa là cơ thể quá mẫn cảm với kháng nguyên.

(2) Kháng nguyên trong phản ứng dị ứng gọi là dị nguyên.

(3) Phản ứng dị ứng cấp tính đôi khi đưa đến sốc phản vệ.

(4) Hậu quả của sốc phản vệ là gây co thắt phế quản, dãn các mạch máu ngoại vi, huyết áp giảm nhanh,… dẫn đến não, tim không nhận đủ máu và O2.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Hướng dẫn giải**

Cả 4 nhận định đều đúng.

🡪 Đáp án#D.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com